

平成 29 年 8 月

南空知公衆衛生組合一般廃棄物最終処分場汚水処理施設月報

設置主体名	南空知公衆衛生組合	処理方法	生物処理
設置名	浸出水処理施設	処理能力	60t/日
技術管理者名	湯浅敏晴	放流水の有無	有

項目	水量	P H	透視度	温度	備考
原水流量	30.3 t	8.08	11.2 cm	23.5 °C	
放流量	30.2 t	8.05	49.1 cm	23.5 °C	

(平均値=別紙調査表による)

項目	電灯使用量	動力使用量	水道使用量	備考
月間使用量	301 KWH	3,246 KWH	5.39 t	
日平均使用量	9.7 KWH	104.7 KWH	0.17 t	

項目	一次破碎不燃	二次破碎不燃	破碎不適物	焼却残渣	ビン・缶残渣	プラ残渣
月計	4台: 1.57t	42台: 50.90t	48台: 25.69t	10台: 26.08t	2台: 3.44t	
前月累計	26台: 11.75t	161台: 174.39t	197台: 68.89t	43台: 120.95t	9台: 16.79t	
年度計	30台: 13.32t	203台: 225.29t	245台: 94.58t	53台: 147.03t	11台: 20.23t	

小計	
月計	106台: 107.68t
前月累計	436台: 392.77t
年度計	542台: 500.45t

項目	脱水ケーキ量	合計(ケーキ量含)
月計	0.46 t	106台: 108.14 t
前月累計	1.34 t	436台: 394.11 t
年度計	1.80 t	542台: 502.25 t

項目	覆土運搬状況	埋立量
月計	7台	269 m ³
前月累計	99台	982 m ³
年度計	106台	1,251 m ³

項目	日
搬入日数	21
日平均搬入数量	5.13 t

月	ごみ埋立量	搬入台数	薬品名	使用量
4	86.09 t	90台	スケール分散剤	20.00 kg
5	119.38 t	139台	凝集剤 パック	100.00 kg
6	110.59 t	128台	凝集助剤 ポリマ	0.60 kg
7	78.05 t	79台	固形塩素剤	1.00 kg
8	108.14 t	106台	脱水助剤 104	1.00 kg
9	t	台	脱水助剤 94b	kg
10	t	台	アワゼロン	kg
11	t	台	清缶剤	kg
12	t	台	並塩	kg
1	t	台	リン酸	kg
2	t	台	保護マット	枚
3	t	台	汚泥量	3.50 m ³
			脱水ケーキ量	0.46 t
計	502.25 t	542台	脱水機運転時間	5:00 H

日	天候	10時気温	最高気温	最低気温
1	晴	25 °C	26 °C	18 °C
2	晴	28 °C	29 °C	20 °C
3	晴	23 °C	26 °C	18 °C
4	晴	21 °C	25 °C	17 °C
5		°C	°C	°C
6		°C	°C	°C
7	晴	21 °C	28 °C	17 °C
8	晴	21 °C	26 °C	16 °C
9	曇	20 °C	23 °C	16 °C
10	曇	23 °C	28 °C	17 °C
11		°C	°C	°C
12		°C	°C	°C
13		°C	°C	°C
14	曇	22 °C	26 °C	16 °C
15	晴/曇	23 °C	28 °C	17 °C
16	晴	24 °C	26 °C	18 °C
17	曇	21 °C	25 °C	17 °C
18	晴	23 °C	27 °C	17 °C
19		°C	°C	°C
20		°C	°C	°C
21	曇/晴	21 °C	26 °C	16 °C
22	雨	19 °C	22 °C	18 °C
23	晴	25 °C	28 °C	20 °C
24	雨/曇	22 °C	23 °C	20 °C
25	晴	22 °C	25 °C	18 °C
26		°C	°C	°C
27		°C	°C	°C
28	晴	21 °C	25 °C	18 °C
29	曇/雨	20 °C	22 °C	18 °C
30	晴	18 °C	22 °C	11 °C
31	晴	21 °C	21 °C	13 °C